

Số: 1178/QĐ-BKHĐT

*Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn  
vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ)  
giai đoạn 2016-2020 (đợt 2)**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020 (đợt 2),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là các bộ, ngành trung ương và địa phương) chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020 (đợt 2), bao gồm thu hồi các khoản vốn ứng trước kế hoạch tại các Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Các bộ, ngành trung ương và địa phương triển khai:

1. Giao chi tiết và thông báo cho các đơn vị phân vốn cấp bù chênh lệch lãi suất tín dụng theo đúng quy định tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định hiện hành.

2. Thông báo cho các đơn vị danh mục và kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn

2016-2020 cho từng dự án theo quy định tại Điều 1 Quyết định này và bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật về đầu tư công, Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020, ý kiến của Ủy ban thường vụ Quốc hội tại văn bản số 102/UBTVQH14-TCNS ngày 26 tháng 4 năm 2017, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ và giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương bảo đảm các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ và khoản 2 Điều 2 Quyết định số 572/QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính kết quả giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) và thông báo phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 cho các đơn vị theo thời gian quy định tại Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan thanh tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu của các dự án do bộ, ngành trung ương và địa phương quản lý. Trường hợp phát hiện các thông tin không chính xác, phải kịp thời gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 3.** Thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ) giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các

cơ quan, đơn vị sử dụng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đoàn đại biểu Quốc hội của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
- Bộ KH&ĐT: Lãnh đạo Bộ, các đơn vị trong Bộ (danh sách kèm theo);
- Sở kế hoạch đầu tư các tỉnh, thành phố;
- Lưu: Văn thư, TH (3b).

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Chí Dũng**



Tỉnh Bắc Kạn

Phụ lục I

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020**

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.757.463</b>	<b>2.643.586</b>	<b>113.877</b>
A	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>1.821.463</b>	<b>1.707.586</b>	<b>113.877</b>
A.1	<b>PHẦN BỎ CHI TIẾT 90%</b>	<b>1.447.756</b>	<b>1.421.055</b>	<b>26.701</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	1.310.684	1.310.684	
	Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	657.630	657.630	
	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	653.054	653.054	
2	Hỗ trợ người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	180	180	
3	Các chương trình mục tiêu	110.191	110.191	



STT		Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
-	Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng	40.191	40.191	
-	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững	21.000	21.000	
-	Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm	49.000	49.000	
A.2	<b>DỰ PHÒNG 10%</b>	<b>373.707</b>	<b>286.531</b>	<b>87.176</b>
	<i>Trong đó:</i>			
	Dự phòng cho Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới	73.070	73.070	
	Dự phòng cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	72.562	72.562	
	Dự phòng cho Hỗ trợ người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	3.220	3.220	
B	<b>VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ</b>	<b>936.000</b>	<b>936.000</b>	
	<b>PHÂN BỐ CHI TIẾT 90%</b>	<b>842.400</b>	<b>842.400</b>	
	<b>DỰ PHÒNG 10%</b>	<b>93.600</b>	<b>93.600</b>	



Tỉnh Bắc Kạn


Phụ lục số II


DANH MỤC DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2016-2020 (ĐỢT 2)

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 178/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm	Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015			Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 (đợt 2)	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW
	TỔNG SỐ					1.465.849	1.391.480	380.949	315.349	110.191
I	Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng					560.073	560.073	233.200	167.600	40.191
(1)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020					474.144	474.144	233.200	167.600	30.000
	Cải tạo, nâng cấp ĐT258B tỉnh Bắc Kạn	H. Bạch Thông và Ba Bể	Cấp IV MN	2011-2015	2841/QĐ-UBND ngày 27/12/2010; 537/QĐ-UBND, 26/4/2017	474.144	474.144	233.200	167.600	30.000
(2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020					85.929	85.929			10.191

STT	Danh mục dự án		Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm	Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 (đợt 2)		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
	Đầu tư hạ tầng khu dân cư các thôn đồng bào Mông trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (4 xã)	xã Cổ Linh	2016-2020	413/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	85.929	85.929	10.191		
II	Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững				719.488	645.119	147.749	21.000	
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020				719.488	645.119	147.749	21.000	
	Dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011-2020		2011-2020	640,641,642,643,644,6 45,646,647/QĐ- UBND ngày 3/5/2012;1868/QĐ- UBND ngày 30/10/2013;629/QĐ- UBND ngày 27/4/2012	719.488	645.119	147.749	21.000	
III	Chương trình mục tiêu quốc phòng, an ninh trên địa bàn trọng điểm				186.288	186.288		49.000	
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020				186.288	186.288		49.000	

STT	Danh mục dự án		Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được TTg giao kế hoạch các năm	Lũy kế số vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 (đợt 2)	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
	Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2016-2020					186.288	186.288		49.000
1	Xây dựng đường giao thông đến các xã CT229 huyện Na Rì, Bạch Thông	Vũ Muộn	6km	2016-2020	418/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	106.288	106.288		33.000
2	Hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi các xã CT229 huyện Chợ Đồn (trong đó, hệ thống giao thông kết nối với các xã CT229 tỉnh Tuyên Quang)	Chợ Đồn		2016-2020	416/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	80.000	80.000		16.000





Tỉnh Bắc Kạn

Phụ lục số III

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ TRỢ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSTW (ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2016-2020 (ĐỢT 2)

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	QĐ chủ trương đầu tư, QĐ đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH các năm					Kế hoạch vốn nước ngoài cấp phát từ NSTW giai đoạn 2016-2020 (đợt 2)	Ghi chú
						Số quyết định	TMĐT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				
								Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt			
							Tổng số	Trong đó: Cấp phát từ NSTW				
TỔNG SỐ							112.687		112.687	112.687	26.701	
	Dự án xây dựng đường giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc (Hợp phần điều phối dự án)	6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang, Lào Cai, Tuyên Quang, Yên Bái	2012-2017	ADB	02/12/2011	Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 25/7/2011 của UBND tỉnh Bắc Kạn	112.687	5.400.000 USD	112.687	112.687	26.701	



Tỉnh Bắc Kạn

Phụ lục IV


DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN GIẢI KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2017-2020 (Đợt 2)

(Kèm theo Quyết định số 1173/QĐ-BKHĐT ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành)	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2017-2020 (không bao gồm dự phòng 10% tại từng bộ, địa phương)
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: vốn TPCP
	<b>TỔNG SỐ</b>							<b>842.400</b>
<b>I</b>	<b>NGÀNH GIAO THÔNG</b>						<b>820.000</b>	<b>820.000</b>
	Mở rộng, nâng cấp ĐT254	Huyện Chợ Đồn, Huyện Ba Bể	39,92km đường cấp IV miền núi	2017-2020	39/HĐND-VP ngày 21/3/2017	868/QĐ-UBND ngày 22/6/2017	820.000	820.000
<b>II</b>	<b>KIẾN CỐ HÓA TRƯỜNG LỚP HỌC MẪU GIÁO, TIỂU HỌC</b>		<b>165</b>					<b>104.400</b>
1	Dự án Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa huyện Ba Bể sử dụng nguồn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020.	Huyện Ba Bể	21	2017-2020	382a/QĐ-UBND ngày 30/3/2017			12.150
2	Dự án Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa huyện Chợ Đồn sử dụng nguồn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020.	Huyện Chợ Đồn	17	2017-2020	383a/QĐ-UBND ngày 30/3/2017			10.620
3	Dự án Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa huyện Chợ Mới sử dụng nguồn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020.	Huyện Chợ Mới	32	2017-2020	384a/QĐ-UBND ngày 30/3/2017			22.230
4	Dự án Kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa huyện Na Rì sử dụng nguồn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020.	Huyện Na Rì	35	2017-2020	385a/QĐ-UBND ngày 30/3/2017			21.690



TT	 Danh mục an	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư (số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành)	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2017-2020 (không bao gồm dự phòng 10% tại từng bộ, địa phương)
						Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		
							Tổng số	Trong đó: vốn TPCP	
5	Dự án Kiến cơ sở hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa huyện Ngân Sơn sử dụng nguồn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020.	Huyện Ngân Sơn	20	2017-2020	386a/QĐ-UBND ngày 30/3/2017				13.320
6	Dự án Kiến cơ sở hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa huyện Pắc Nặm sử dụng nguồn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020.	Huyện Pắc Nặm	24	2017-2020	387a/QĐ-UBND ngày 30/3/2017				15.660
7	Dự án Kiến cơ sở hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa huyện Bạch Thông sử dụng nguồn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020.	Huyện Bạch Thông	16	2017-2020	388a/QĐ-UBND ngày 30/3/2017				8.730